

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh, ông Bùi Văn Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nông Xuân Tr (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tam Đ, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Trần Thị R (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Tam Đ, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nông Xuân Tr trình bày:

Ông và bà Trần Thị R là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà R bỏ nhà ra đi mà không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích, cho nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà R. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà R phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2020/QĐST – VDS ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông N đã tuyên bố bà Trần Thị R, sinh năm 1994, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Tam Đ, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk mất tích.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; ông Tr chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, còn bà R đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr cho ông Tr ly hôn với bà R. Giao con chung cho ông Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án

+ Ông Tr, bà R là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung. Hiện nay, bà R đã bị Tòa án đã tuyên bố mất tích, do đó ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ông Tr khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bà R có nơi cư trú cuối cùng ở Thôn Tam Đ, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N căn cứ vào các Điều 35, 39, khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do bà R đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp

+ Về quan hệ hôn nhân

Ông Tr, bà R là vợ chồng (có đăng ký kết hôn hợp pháp). Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến bà R bỏ nhà ra đi, không có tin tức gì. Theo yêu cầu của ông Tr, Tòa án đã tuyên bố bà R mất tích, vì vậy ông Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà R là có căn cứ pháp lý, phù hợp với khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr, cho ông Tr ly hôn với bà R.

+ Về con chung

Ông Tr, bà R có 01 con chung. Sau khi ly hôn, ông Tr có nguyện vọng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, được cháu Ng đồng ý và xét thấy hiện nay cháu Ng đang ở với ông Tr, còn bà R đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử căn

cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ng cho ông Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung : Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí

Ông Nông Xuân Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Xuân Tr về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Cho ông Nông Xuân Tr ly hôn với bà Trần Thị R.

+ Giao cháu Nông Thị Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2011 cho ông Nông Xuân Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

2. Về án phí: Ông Nông Xuân Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí **dân sự sơ thẩm**. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0015028 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Ea Tam;
- Ông Nông Xuân Tr ;
- Niêm yết nơi cư trú cuối cùng của bà R ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG